

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2019

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1372/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tạm trú: 916/3 ấp 2, xã X, huyện H, Tp. H.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tạm trú: 916/3 ấp 2, xã X, huyện H, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/11/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn với Ông Vũ Văn Đ tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N vào ngày 01/7/2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/Quyển số 03/2003). Sau khi kết hôn được một thời gian, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, giữa vợ chồng thiếu sự tôn trọng và chia sẻ nên cuộc sống chung ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn là xảy ra xô xát, đánh đập nhau. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T nhiều lần sống ly thân với ông Đ và đã từng

nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án. Phía gia đình hai bên đã động viên nên vợ chồng quay về đoàn tụ, tuy nhiên cuộc sống chung vẫn không hạnh phúc, hai bên không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu nhau và không ai còn thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay bà T và ông Đ đang sống ly thân hơn 01 năm nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy bà T cương quyết xin ly hôn ông Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/01/2007; cháu Vũ Thị Kim C, sinh ngày 20/01/2009; cháu Vũ Đức A, sinh ngày 11/11/2013.

Hiện nay các cháu Quỳnh N, Kim C, Đức A đang sống chung với bà T. Nếu ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 trẻ Quỳnh N, Kim C và Đức A. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi 03 con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Vũ Văn Đ nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn Vũ Văn Đ cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Vũ Văn Đ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N vào ngày 01/7/2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/Quyển số 03/2003), do vậy hôn nhân của bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông Đ nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Xét thấy giữa bà T và ông Đ có mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân hơn 01 năm nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trước đây bà T đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng để hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà T đã rút đơn xin ly hôn, tuy nhiên hiện

nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bà T xác định không thể sống chung với ông Đ. Phía ông Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện ông Đ không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: bà T và ông Đ có 03 con chung là cháu Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/01/2007; cháu Vũ Thị Kim C, sinh ngày 20/01/2009 và cháu Vũ Đức A, sinh ngày 11/11/2013. Nếu ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 trẻ Quỳnh N, Kim C và Đức A. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu Quỳnh N, Kim C và Đức A đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đ không có ý kiến gì đối với việc nuôi con của bà T. Hơn nữa, tại Bản tự khai ngày 15/3/2019 cháu Quỳnh N và cháu Kim C có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, việc giao các cháu Quỳnh N, Kim C và Đức A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng chính đáng của các con. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao các cháu Quỳnh N, Kim C và Đức A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi 03 con, xét thấy việc không yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi 03 con đối với ông Đ cho đến khi có đơn yêu cầu của bà T.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tổ tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Văn Đ.

2/. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 03 con chung là Vũ Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/01/2007; Vũ Thị Kim C, sinh ngày 20/01/2009 và Vũ Đức A, sinh ngày 11/11/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi 03 con đối với ông Đ cho đến khi bà T có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004376 ngày 07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh N;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh